|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ID | Image\_Question | Question | Choice | Image\_Answer | Explanation |
| Geo\_41\_1 |  | CÂU 1: Việt Nam có đường biên giới trên đất liền ngắn nhất với quốc gia nào? A. Lào. B. Trung Quốc. C. Thái Lan. D. Campuchia. | D |  | Đáp án D Biên giới Việt - Lào: 2100 km Biên giới Việt - Trung: 1400 km Biên giới Việt - Campuchia: 1100 km |
| Geo\_41\_2 |  | CÂU 2: Các ngành công nghiệp chủ yếu hiện nay của Duyên hải Nam Trung Bộ là A. Vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm - ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng. B. Đóng tàu, chế biến nông - lâm - ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng. C. Điện tử, chế biến nông - lâm - ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng. D. Cơ khí, chế biến nông - lâm - ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng. | D |  | Đáp án D Các ngành công nghiệp chủ yếu hiện nay của Duyên hải Nam Trung Bộ là: cơ khí, chế biến nông - lâm - ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng. |
| Geo\_41\_3 |  | CÂU 3: Nhận định nào sau đây thể hiện không đúng vị trí của nước ta? A. Việt Nam nằm trên ngã ba đường hàng hải và hàng không quốc tế. B. Vị trí liền kề cùng với nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa - xã hội giữa các nước láng giềng. C. Vị trí nằm trong một khu vực kinh tế phát triển năng động và nhạy cảm. D. Vị trí nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng sâu sắc của bão. | A |  | Đáp án A Việt Nam nằm trên ngã tư đường hàng hải, hàng không quổc tế quan trọng. Thuận lợi cho giao lưu phát triển kinh tế. Vậy đáp án A là sai. Biên giới Việt - Trung: 1400 km Biên giới Việt - Campuchia: 1100 km |
| Geo\_41\_4 |  | CÂU 4: Than nâu phân bố chủ yêu ở A. Quảng Ninh. B. Đồng bằng sông Hồng. C. Tây bắc. D. Đồng bằng sông Cửu Long. | B |  | Đáp án B Than nâu phân bố chủ yếu ở Đồng bằng sông Hồng. |
| Geo\_41\_5 |  | CÂU 5: Thung lũng sông nào sau đây không thuộc vùng núi đông bắc? A. Thung lũng sông cầu. B. Thung lũng sông Thương. C. Thung lũng sông Lục Nam. D. Thung lũng sông Thu Bồn. | D |  | Đáp án D Thung lũng sông Thu Bồn không thuộc vùng núi đông bắc, sông Thu Bồn thuộc Trường Sơn Nam. |
| Geo\_41\_6 |  | CÂU 6: Độ che phủ rừng của Bắc Trung Bộ đứng sau A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ. C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ. | A |  | Đáp án A Diện tích rừng 2,46 triệu ha (20% cả nước). Độ che phủ rừng là 47,8%, chỉ đứng sau Tây Nguyên. Diện tích rừng giàu tập trung ở vùng biên giới Việt - Lào, nhiều nhất ở Nghệ An, Quảng Bình, Thanh Hóa. |
| Geo\_41\_7 |  | CÂU 7: Số lượng các vành đai nhiệt từ Bắc cực đến Nam cực là A. Năm vòng đai. B. Sáu vòng đai. C. Bảy vòng đai. D. Bốn vòng đai. | C |  | Đáp án C Từ Bắc cực đến Nam cực có bảy vòng đai nhiệt sau: +Vòng đai nóng nằm giữa hai đường đẳng nhiệt năm + 20°C của hai bán cầu (khoảng giữa hai vĩ tuyến 30°B và 30°N). + Hai vòng đai ôn hòa ở hai bán cầu nằm giữa các đường đẳng nhiệt năm + 20°C và đường đẳng nhiệt + 10°C của tháng nóng nhất. + Hai vòng đai lạnh ở các vĩ độ cận cực của hai bán cầu, nằm giữa đường đẳng nhiệt + 10°C và 0°C của tháng nóng nhất. + Hai vòng đai băng giá vĩnh cửu bao quanh cực, nhiệt độ quanh năm đều dưới 0°C. |
| Geo\_41\_8 |  | CÂU 8: Ngành giao thông vận tải trẻ tuổi, có tốc độ phát triển nhanh, sử dụng có hiệu quả những thành tựu mới nhất của khoa học - kĩ thuật là A. Đường biển. B. Hàng không. C. Đường ống D. Đường ôtô. | B |  | Đáp án B Ngành giao thông vận tải trẻ tuổi, có tốc độ phát triển nhanh, sử dụng có hiệu quả những thành tựu mới nhất của khoa học - kĩ thuật là ngành hàng không. |
| Geo\_41\_9 |  | CÂU 9: Vườn quốc gia Cát Tiên thuộc tỉnh/thành phố nào? A. Đồng Nai. B. Kon Tum. C. TP. Hồ Chí Minh D. Tây Ninh | A |  | Đáp án A Vườn quốc gia Cát Tiên có tổng diện tích là 70.548 ha, trong đó phần diện tích thuộc Đồng Nai: 39.108 ha; phần diện tích thuộc tỉnh Lâm Đồng: 26.969 ha; phần diện tích thuộc tỉnh Bình Phước: 4.469 ha. Trụ sở Vườn quốc gia Cát Tiên đặt tại huyện Tân Phú, Đồng Nai. |
| Geo\_41\_10 |  | CÂU 10: Tỉnh nào ở Tây Nguyên có diện tích trồng chè lớn nhất nước? A. Kon Tum. B. Lâm Đồng. C. Gia Lai. D. Đắk Lắk | B |  | Đáp án B Lâm Đồng là tỉnh có diện tích trồng chè lớn nhất. Diện tích trồng chè ở Lâm Đồng chiếm 23.600 ha, sản lượng 280.000 tấn/năm (chiếm 30% sản lượng chè cả nước) với thương hiệu nổi tiếng “Trà B’lao” và “Trà Ôlong Lâm Đồng”. |
| Geo\_41\_11 |  | CÂU 11: Phong hoá lí học được hiểu là A. Sự phá huỷ đá thành những khối vụn có kích thước to, nhỏ khác nhau. B. Sự phá vỡ cấu trúc phân tử của đá. C. Sự phá vỡ nhưng không làm thay đổi thành phần hoá học của đá. D. Vừa là sự phá vỡ thành phần hoá học và tính chất vật lí của đá. | C |  | Đáp án C Phong hóa lí học phá vỡ các đá gốc thành những mảnh vụn mà không làm thay đổi thành phần hóa học củaa đá. Băng, nước, nước khe nứt là các tác nhân gây phong hóa lí học chính do gây ra một lực tác động làm nở ra, mở rộng các khe nứt trong đá khiến đá vỡ ra thành các mảnh vụn. Giãn nở vì nhiệt cũng gây nên tác động giãn căng và co lại dưới sự ảnh hưởng của việc nhiệt độ tăng lên hay giảm đi cũng giúp cho quá trình phong hóa cơ học diễn ra nhanh hơn. |
| Geo\_41\_12 |  | CÂU 12: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10 xác định sông nào bắt nguồn từ Lào và chảy về Việt Nam? A. Sông Hồng. B. Sông Cả. C. Sông Đồng Nai. D. Sông Ba. | B |  | Đáp án B Sông bắt nguồn từ Lào và chảy về Việt Nam là sông Cả. |
| Geo\_41\_13 |  | CÂU 13: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 xác định Biên Hoà thuộc phân cấp đô thị loại mấy? A. Loại đặc biệt. B. Loại 1. C. Loại 2. D. Loại 3. | C |  | Đáp án C Biên Hoà thuộc phân cấp đô thị loại 2. |
| Geo\_41\_14 |  | CÂU 14: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 xác định khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc tỉnh nào? A. Hà Tĩnh. B. Quảng Bình. C. Quảng Trị. D. Thừa Thiên Huế. | B |  | Đáp án B Khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc tỉnh Quảng Bình. |
| Geo\_41\_15 |  | CÂU 15: Dựa vào Atlat Địa li Việt Nam trạng 16 xác định vùng Đồng bằng sông Hồng thuộc ngữ hệ nào? A. Ngữ hệ Nam Á. B. Ngữ hệ Thái - KaĐai. C. Ngữ hệ Hán - Tạng. D. Ngữ hệ H’Mông - Dao. | A |  | Đáp án A Vùng Đồng bằng sông Hồng thuộc ngữ hệ Nam Á. |
| Geo\_41\_16 |  | CÂU 16: Nguyên nhân khiến ngày và đêm luân phiên xuất hiện trên Trái Đất là A. Trái Đất hình cầu. B. Trái Đất tự quay quanh trục. C. Các tia sáng từ Mặt Trời chiếu song song. D. Trục Trái Đất nghiêng 66°33’ so với mặt phẳng quỹ đạo. | B |  | Đáp án B Hình khối cầu của Trái Đất luôn được Mặt ười chiếu sáng một nửa, vì thế đã sinh ra ngày và đêm, do Trái Đất tự quay quanh trục, nên mọi nơi bề mặt của Trái Đất đều lần lượt được Mặt Trời chiếu sáng. |
| Geo\_41\_17 |  | CÂU 17: Đâu không phải là ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên nước ta? A. Địa hình ven biển đa dạng. B. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. C. Khí hậu mang tính hải dương điều hoà. D. Chịu ảnh hưởng nhiều bão, thiên tai, sạt lở bờ biển. | B |  | Đáp án B Đặc điểm không phải là ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên nước ta là mạng lưới sông ngòi dày đặc. |
| Geo\_41\_18 |  | CÂU 18: Đông Nam Á biển đảo nằm trong đới khí hậu nào? A. Khí hậu cận nhiệt đới. B. Khí hậu ôn đới. C. Khí hậu xích đạo. D. Khí hậu nhiệt đới lục địa. | B |  | Đáp án B Đông Nam Á biển đảo nằm trong đới khí hậu xích đạo và nhiệt đới gió mùa. |
| Geo\_41\_19 |  | CÂU 19: Cho bảng số liệu: SỰ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG CỦA NƯỚC TA Năm Tổng diện tích rừng (triệu ha) Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha) Độ che phủ rừng (%) 1943 14,3 14,0 43,8 1975 9,6 9,5 29,1 1983 7,2 6,8 22,0 1990 9,2 8,4 27,0 1999 10,9 9,4 33,2 2003 12,1 10,0 36,1 (Nguồn: Tổng cục Thống kê) Đâu là nhận định đúng nhất trong các nhận định sau? A. Tổng diện tích rừng nước ta lớn, tăng đều theo các năm. B. Diện tích rừng tự nhiên giảm liên tục từ năm 1943 đến nay. C. Từ năm 1983 diện tích rừng tự nhiên tăng liên tục. D. Độ che phủ rừng giảm đều theo các năm. | C |  | Đáp án C Qua bảng số liệu ta thấy - Tổng diện tích rừng nước ta lớn, tăng đều theo các năm => Sai. - Diện tích rừng tự nhiên giảm liên tục từ năm 1943 đen nay => Sai. - Tổng diện tích rừng tự nhiên ở nước ta tăng liên tục từ năm 1983 đến năm 2003. Vì vậy, đáp án C là đúng. - Độ che phủ rừng giảm đều theo các năm => Sai. |
| Geo\_41\_20 |  | CÂU 20: Đô thị hoá có tác động tích cực đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta vì sao? A. Ở nước ta tỉ lệ dân thành thị còn thấp. B. Các đô thị ở nước ta có quy mô không lớn. C. Các đô thị tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng. D. Các đô thị có cơ sở hạ tầng tốt dễ thu hút đầu tư phát triển. | D |  | Đáp án D Đô thị hoá có tác động tích cực đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta vì các đô thị có cơ sở hạ tầng tốt dễ thu hút đầu tư phát triển. Điều này sẽ tác động rất tích cực đến việc phát triển kinh tế của nước ta. |
| Geo\_41\_21 |  | CÂU 21: Tốc độ gia tăng dân số hàng năm của Nhật Bản thấp sẽ không dẫn đến hệ quả là gì? A. Thiếu nguồn lao động trong tương lai. B. Tỉ lệ người già trong xã hội ngày càng tăng. C. Tỉ lệ trẻ em ngày càng giảm. D. Thừa lao động trong tương lai. | D |  | Đáp án D Tốc độ gia tăng dân số hằng năm của Nhật Bản thấp sẽ không dẫn đến hệ quả là thừa lao động trong lương lai. |
| Geo\_41\_22 |  | CÂU 22: Liên bang Nga có đường bờ biển dài, tiếp giáp với hai đại dương lớn là A. Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương. B. Bắc Băng Dương và Đại Tây Dương C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương D. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. | A |  | Đáp án A - Diện tích lớn nhất thế giới, nằm ở cả hai châu lục Á, Âu. - Đường biên giới dài xấp xỉ chiều dài Xích đạo. Đất nước trải dài ưên 11 múi giờ, giáp 14 nước. - Đường bờ biển dài: phía bắc giáp Bắc Băng Dương, phía đông giáp Thái Bình Dương, phía tây và tây nam giáp biển Ban-tích, Biển Đen, biển Ca-xpi. |
| Geo\_41\_23 |  | CÂU 23: Khu vực tập trung công nghiệp gắn với các đô thị vừa và lớn đó là A. Điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp. C. Vùng công nghiệp. D. Trung tâm công nghiệp | C |  | Đáp án C Khu vực tập trung công nghiệp gắn với các đô thị vừa và lớn đó là các trung tâm công nghiệp. |
| Geo\_41\_24 |  | CÂU 24: Ngành vận tài ô tô có ưu điểm gì? A. Giá cước vận tải thấp nhất. B. Vận chuyển nhanh nhất. C. Dễ phối hợp với các loại hình vận tải khác D. Thích hợp với chở hàng cồng kềnh. | C |  | Đáp án C Ngành vận tải ô tô có ưu điêm đó là dễ phối hợp với các loại hình vận tải khác. Ngoài ra, nó còn có các ưu điểm như: thuận tiện, tính cơ động cao, thích nghi với mọi loại địa hình. |
| Geo\_41\_25 |  | CÂU 25: Hiện nay các ngành công nghiệp hiện đại của Hoa Kì tập trung ở vùng nào? A. Phía tây bắc và ven Thái Bình Dương. B. Phía đông nam và ven bờ Đại Tây Dương. C. Phía nam và ven Thái Bình Dương. D. Phía đông và ven vịnh Mêhicô. | C |  | Đáp án C Phân bố công nghiệp hiện đại của Hoa Kì. Trước đây: tập trung ở đông bắc với các ngành truyền thống. Hiện nay: mở rộng xuống phía nam và Thái Bình Dương với các ngành hiện đại. |
| Geo\_41\_26 |  | CÂU 26: Ngành hàng không của Hoa Kì vận chuyển số lượng khách hàng chiếm khoảng? A. 1/5 của toàn thế giới. B. 1/4 của toàn thế giới. C. 1/3 của toàn thế giới. D. 1/2 của toàn thế giới. | C |  | Đáp án C Hoa Kì có số sân bay nhiều nhất thế giới với khoảng 30 hãng hàng không lớn hoạt động. Ngành hàng không của Hoa Kì vận chuyển số lượng khách hàng chiếm khoảng 1/3 của toàn thế giới. |
| Geo\_41\_27 |  | CÂU 27: Vùng có thế mạnh nổi bật về tài nguyên thiên nhiên để phát triển ngành năng lượng và kinh tế biển của nước ta là A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng. C. Đông Nam Bộ D. Duyên hải miền Trung. | C |  | Đáp án C Vùng có thế mạnh nổi bật về tài nguyên thiên nhiên để phát triển ngành năng lượng và kinh tế biển của nước ta là vùng Đông Nam Bộ. |
| Geo\_41\_28 |  | CÂU 28: Nhân tố chính làm cho năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng cao nhất cả nước là do A. Điều kiện khí hậu, thời tiết thuận lợi. B. Đất phù sa sông Hồng rất màu mỡ. C. Hệ thống thuỷ lợi hoàn chỉnh. D. Hệ số sử dụng đất rất cao. | D |  | Đáp án D Nhân tố chính làm cho năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng cao nhất cả nước ta là do hệ số sử dụng đất cao. |
| Geo\_41\_29 |  | CÂU 29: Đâu là đặc điểm khí hậu nổi bật của Tây Nguyên? A. Nóng, ẩm quanh năm. B. Mùa khô kéo dài 4 - 5 tháng C. Có sự phân hoá theo độ cao. D. Thời tiết ít biến động. | B |  | Đáp án B Đâu là đặc điểm khí hậu nổi bật của Tây Nguyên là mùa khô kéo dài từ 4 - 5 tháng. |
| Geo\_41\_30 |  | CÂU 30: Cho bảng số liệu: KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO LOẠI HÌNH VẬN TẢI (Đơn vị: nghìn tấn) Năm Đường sắt Đường bộ Đường sông Đường biển Đường hàng không 2008 8.481,1 455.898,4 133.027,9 55.696,5 131,4 2010 7.861,5 587.014,2 144.227,0 61.593,2 190,1 2012 6.952,1 717.905,7 174.385,4 61.694,2 191,0 2014 7.178,9 821.700,0 190.600,0 58.900,0 202 (Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam Nhận định nào sau đây chưa chính xác? A. Các ngành vận tải tăng đều theo các năm. B. Ngành vận tải đường sông tăng chậm hơn vận tải đường bộ. C. Đường bộ có khối lượng hàng hoá vận chuyển lớn nhất. D. Ngành hàng không tăng chậm hơn ngành đường bộ. | A |  | Đáp án A Qua bảng số liệu ta thấy: - Nhận định các ngành vận tải đều tăng đều theo các năm là nhận định chưa chính xác. - Ngành vận tải đường sông tăng chậm hơn vận tải đường bộ => Đúng. - Đường bộ có khối lượng hàng hoá vận chuyển lớn nhất => Đúng. - Ngành hàng không tăng chậm hơn ngành đường bộ => Đúng. |
| Geo\_41\_31 |  | CÂU 31: Chất lượng nguồn lao động nước ta được nâng lên nhờ A. Việc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. B. Tăng cường xuất khẩu lao động sang các nước phát triển. C. Thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục và y tế. D. Tăng cường dạy nghề, hướng nghiệp trong trường phổ thông | D |  | Đáp án D Chất lượng nguồn lao động nước ta được nâng lên nhờ thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục và y tế. |
| Geo\_41\_32 |  | CÂU 32: Thành phần loài nào sau đây không phải thuộc các cây họ nhiệt đới? A. Dầu. B. Đỗ quyên. C. Dâu tằm. D. Đậu. | B |  | Đáp án B Thành phần loài không phải thuộc các cây họ nhiệt đới là cây đỗ quyên (ôn đới). |
| Geo\_41\_33 |  | CÂU 33: Chiếm tỉ lệ lớn nhất trong cơ cấu ngành trồng trọt hiện nay là A. Cây lương thực. B. Cây rau đậu. C. Cây công nghiệp. D. Cây ăn quả. | A |  | Đáp án A Chiếm tỉ lệ lớn nhất trong cơ cấu ngành trồng trọt hiện nay là cây lương thực. |
| Geo\_41\_34 |  | CÂU 34: Giải pháp quan trọng nhất để sử dụng hợp lí đất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là gì? A. Thay đổi cơ cấu mùa vụ. B. Phá thế độc canh cây lúa, đa dạng hoá cây hồng. C. Đẩy mạnh thâm canh tăng vụ. D. Quy hoạch thuỷ lợi gắn với cải tạo đất. | D |  | Đáp án D Giải pháp quan trọng nhất để sử dụng hợp lí đất nông nghiệp ờ Đồng bằng sông Cửu Long là quy hoạch thuỷ lợi gắn với cải tạo đất. |
| Geo\_41\_35 |  | CÂU 35: Đâu là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta được ưu tiên đi trước một bước các ngành công nghiệp khác? A. Năng lượng. B. Chế tạo máy móc. C. Vật liệu xây dựng. D. Điện năng. | D |  | Đáp án D Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta được ưu tiên đi trước một bước các ngành công nghiệp khác là ngành điện năng. |
| Geo\_41\_36 |  | CÂU 36: Đường biển là loại hình có tốc độ tăng nhanh nhất trong việc vận chuyển hàng hoá thời gian qua vì ? A. Nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành đường biển. B. Nước ta đang thực hiện chiến lược mở cửa hội nhập. C. Nhu cầu vận chuyển hàng xuất nhập khẩu rất lớn. D. Đây là ngành đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. | C |  | Đáp án C Đường biển là loại hình có tốc độ tăng nhanh nhất trong việc vận chuyển hàng hoá thời gian qua vì nhu cầu vận chuyển hàng xuất nhập khẩu rất lớn. |
| Geo\_41\_37 |  | CÂU 37: Hạn chế lớn nhất của vùng núi đá vôi là A. Dễ xảy ra lũ nguồn, lũ quét. B. Dễ xảy ra cháy rừng. C. Thường khan hiếm nước vào mùa khô D. Nhiều nguy cơ phát sinh ra động đất. | C |  | Đáp án C Hạn chế lớn nhất của vùng núi đá vôi là thường khan hiếm nước vào mùa khô. |
| Geo\_41\_38 |  | CÂU 38: Ở độ cao từ 1600 -1700 m là phạm vi phân bố của hệ sinh thái nào? A. Rừng lá nhiệt đới mưa mù trên đất mùn. B. Rừng lá nhiệt đới lá rộng. C. Rừng lá nhiệt đới lá kim. D. Rừng thưa nhiệt đới lá kim. | A |  | Đáp án A Ở độ cao từ 1600 -1700 m là phạm vi phân bố của hệ sinh thái rừng á nhiệt đới mưa mù trên đất mùn. |
| Geo\_41\_39 |  | CÂU 39: Chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá trị hàng xuất khẩu của nước ta hiện nay là ? A. Hàng công nghiệp nặng. B. Khoáng sản. C. Hàng nông lâm thuỷ sản. D. Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp | D |  | Đáp án D Chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá trị hàng xuất khẩu của nước ta hiện nay là hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp. |
| Geo\_41\_40 | Geo\_41/Geo\_41\_40.png | CÂU 40: BIỂU ĐỒ TỈ SUẤT SINH, TỈ SUẤT TỬ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1960 - 2014 Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng? A. Tỉ suất sinh của nước ta liên tục giảm. B. Tỉ suất tử của nước ta không biến động. C. Tỉ suất gia tăng tự nhiên có xu hướng giảm. D. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên giảm chủ yếu do tỉ suất tử tăng | A |  | Đáp án A Qua biểu đồ ta thấy: - Tỉ suất sinh của nước ta liên tục giảm => Đúng - Tỉ suất tử của nước ta không biến động => Sai. - Tỉ suất gia tăng tự nhiên có xu hướng giảm => Sai. - Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên giảm chủ yếu do tỉ suất tử tăng => Sai. |